

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/QĐST-KDTM

Ngày: 27/6/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quý.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Minh Lý;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 33/2021/TLST-KDTM ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B D; trụ sở: Số 26-17, Lô I, đường Đ K, phường H P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đ V T- Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Ông L X c – Nhân viên Xí nghiệp B T TDC B D; địa chỉ: Đường D1. KCN M P, phường M P, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, là người được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 23/2021/UB-KDPT ngày 28 tháng 10 năm 2021; *có mặt.*

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng Dịch vụ Thương Mại K H; trụ sở: Số ô4, Lô A, khu nhà ở P H, khu phố Đ A, phường T Đ H, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật ông L C T- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc; *vắng mặt không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ngày 23/5/2018, Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển B D, địa chỉ: Ấp 2, thị trấn C T, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước ký kết Hợp đồng mua bán số 22/HĐMB2018 với Công ty Cổ phần Xây dựng Dịch vụ Thương Mại K H (sau đây gọi là Công ty K H) về việc cung cấp bê tông trộn sẵn cho công trình xây dựng của Công ty Kiến Hoa, tại công trình Nhà máy giấy T A – KCN M H III, xã M H, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Từ ngày 31/5/2018 đến ngày 02/8/2018 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển B D (sau đây gọi là Công ty TDC) đã giao hàng bê tông trộn sẵn và dịch vụ bơm bê tông cho Công ty K H với tổng số tiền 689.700.857 đồng. Theo hợp đồng ngày giữa tháng và ngày cuối cùng hàng tháng bên Công ty TDC sẽ tổng hợp và xuất hoá đơn cho bên Công ty K H, tổng số hoá đơn xuất ra là 05 (năm) hoá đơn. Công ty K H đã thanh toán số tiền 589.634.065 đồng. Số tiền còn lại chưa thanh toán 100.066.792 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TDC đã thực hiện việc giao hàng tới công trình theo đúng theo yêu cầu về số lượng, chất lượng của Công ty K H. Tuy nhiên Công ty K H không thanh toán giá trị hợp đồng còn lại đúng theo thỏa thuận tại Khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng.

Ngày 31/12/2020, Các Bên có biên bản xác nhận công nợ. Tổng giá trị mà Công ty K H còn phải thanh toán cho Công ty TDC là 100.066.792đ (một trăm triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm chín hai đồng).

Công ty TDC đã nhiều lần gọi điện, gửi công văn yêu cầu thanh toán nhưng Công ty K H vẫn không thanh toán hết giá trị công nợ còn lại. Do đó, Công ty TDC quyết định khởi kiện Công ty Kiến Hoa ra Tòa án nhân dân để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình.

Công ty TDC yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương giải quyết những vấn đề sau đây:

- Buộc Công ty K H phải thanh toán tiền nợ gốc cho Công ty TDC là: 100.066.792đ;

- Buộc Công ty K H phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán theo quy định trong hợp đồng (0.05%/ngày), tương ứng với lãi suất 18,25%/năm. Thời gian tính lãi kể từ ngày 31/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (27/6/2022) là 01 năm 05 tháng 27 ngày. Tổng số tiền lãi là 27.118.100đ.

* *Bị đơn*: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án cấp, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng tại phiên tòa lần thứ hai vẫn không tham gia tố tụng và không có bất cứ văn bản, tài liệu chứng cứ nào gửi tới Tòa án.

* *Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo tố tụng và việc giải quyết vụ án*:

- *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật về người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn không tham gia tố tụng coi như tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục xét xử theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng xét xử theo quy định pháp luật. Viện kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Bị đơn đã được Tòa án cấp, tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng phiên tòa lần thứ hai vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Nguyên đơn khởi kiện các bị đơn tranh chấp “*hợp đồng mua bán hàng hóa*”. Nguyên đơn, bị đơn đều là pháp nhân thương mại, tranh chấp này phát sinh từ hoạt động kinh doanh của các bên. Vì vậy quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp kinh doanh thương mại về việc “*tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”. Tại hợp đồng mua bán các bên thỏa thuận về điều khoản giải quyết tranh chấp là Tòa án nơi có trụ sở của Bên A (nguyên đơn) là Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Sự thỏa thuận này là tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 36; Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên bị đơn không

tham gia tố tụng, không có bất cứ ý kiến gì và cũng không giao nộp tài liệu chứng cứ nào liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ tài liệu nguyên đơn cung cấp cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] *Xét yêu cầu về thanh toán số tiền mua hàng:* Nguyên đơn và bị đơn có thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa bằng việc ký kết Hợp đồng mua bán số 22/HĐMB2018. Quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn bán mặt hàng bê tông tươi trộn sẵn cho bị đơn nhiều lần. Nguyên đơn đã xuất 05 (năm) hóa đơn giá trị gia tăng cho nguyên đơn. Đến ngày 31/12/2020, các bên xác lập “*Bản đối chiếu công nợ*” với tổng số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn theo hợp đồng nêu trên là 100.066.792đ. Theo thỏa thuận trong hợp đồng bị đơn đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn hết 100% tổng số tiền theo thực tế giao hàng trong vòng 15 ngày kể từ ngày nguyên đơn xuất hóa đơn. Lần xuất hóa đơn cuối cùng vào 15/8/2018. Như vậy đến ngày 31/12/2020, bị đơn vẫn chưa thanh toán hết số tiền mua hàng cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] *Xét yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thanh toán:* Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi thanh toán quá hạn từ ngày ngày 31/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (27/6/2022) là 01 năm 05 tháng 27 ngày. Tổng số tiền lãi là 27.118.100 đồng với lãi suất 18,25%/năm. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Điều 306 Luật thương mại thì “*Trường hợp bên vi phạm tiền hàng chậm thanh toán tiền hàng thì bên bị vi phạm có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả*”.

Căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn của 03 (ba) ngân hàng là Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam thì mức lãi suất nợ quá hạn trung bình là 14,25%/năm. Mức lãi suất này là căn cứ tính lãi quá hạn do chậm thanh toán. Tương ứng số tiền lãi là 21.454.100đ. Vì vậy không có cơ sở chấp nhận số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu là 5.664.000đ.

[3] *Xét ý kiến của Kiểm sát viên:* Quan điểm của vị đại diện Viện Kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:*

- Bị đơn phải chịu án phí đối với phần khởi kiện của nguyên đơn được chấp

nhận.

- Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 203, 264; 266; 267; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 24; 50, 55 Điều 306 Luật thương mại;

Căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 11 và Điều a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết Số: 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11 tháng 01 năm 2019 “hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B D đối với bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng Dịch vụ Thương Mại K H về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng Dịch vụ Thương Mại K H có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B D số tiền mua hàng là 110.066.792 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 21.454.100đ. Tổng số tiền là 131.520.890 đ (một trăm ba mươi một triệu năm trăm hai mươi nghìn tám trăm chín mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 28/6/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương về việc yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng Dịch vụ Thương Mại Kiến Hoa trả số tiền lãi do chậm thanh toán là 5.664.000đ (năm triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn công ty Cổ phần Xây dựng Dịch vụ Thương Mại K H phải chịu 6.576.000 (sáu triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

- Nguyên đơn Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B D phải chịu 3.000.000đ (ba triệu đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000655 ngày 25/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo định pháp luật.

4. Về việc thi hành bản án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quý

